

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN
Ngày Thi: 11/05/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB4246	Dương Lê Thế	An	03/02/2004	Cà Mau	5,0	4,0	Không đạt	
2	BKCB4247	Nguyễn Tấn	An	21/07/1995	Bến Tre	9,67	6,17	Đạt	
3	BKCB4248	Nguyễn Thiện	An	26/11/2002	Long An	9,67	9,83	Đạt	
4	BKCB4249	Trần Lê Vĩnh	An	13/12/1997	Cần Thơ	9,0	9,83	Đạt	
5	BKCB4250	Thái Gia	Ân	06/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,5	Đạt	
6	BKCB4251	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	06/11/1978	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,83	Đạt	
7	BKCB4252	Hoàng Diệu Phương	Ánh	20/08/2003	Đắk Lắk	6,67	8,67	Đạt	
8	BKCB4253	Nguyễn Lê Lan	Anh	22/07/2004	Đồng Nai	9,0	5,5	Đạt	
9	BKCB4254	Trương Thị Lan	Anh	13/07/2003	Đắk Lắk	9,67	7,5	Đạt	
10	BKCB4255	Hoàng Gia Bảo	Châu	04/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	5,17	Đạt	
11	BKCB4256	Trương Quốc	Cường	24/08/2003	Lâm Đồng	7,0	8,17	Đạt	
12	BKCB4257	Trần Xuân	Đạt	22/09/1998	Lâm Đồng	9,67	6,67	Đạt	
13	BKCB4258	Lê Thị	Dung	15/08/1992	Nam Định	8,0	6,5	Đạt	
14	BKCB4259	Đặng Thái	Dương	17/07/1999	Bình Định	9,67	7,83	Đạt	
15	BKCB4260	Dương Mỹ	Duyên	15/01/2004	Cà Mau	5,67	4,17	Không đạt	
16	BKCB4261	Vũ Hồng	Giang	29/07/2004	Đồng Nai	9,0	5,67	Đạt	
17	BKCB4262	Nguyễn Lê Bảo	Hân	26/01/1996	Đồng Nai	9,33	7,83	Đạt	
18	BKCB4263	Đỗ Thị Thuý	Hạnh	01/11/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	7,5	Đạt	
19	BKCB4264	Phan Trường	Hậu	28/08/2006	Đắk Lắk	6,33	5,0	Đạt	
20	BKCB4265	Võ Phú	Hòa	31/08/1999	Đồng Tháp	9,0	9,17	Đạt	
21	BKCB4266	Nguyễn Minh	Hoài	22/10/2000	Vĩnh Long	4,0	0,0	Không đạt	
22	BKCB4267	Trịnh Hồ Mạnh	Hùng	28/09/2003	Bình Dương	7,67	7,17	Đạt	
23	BKCB4268	Nguyễn Dương Nam	Hung	07/05/1984	Quảng Bình	9,0	6,67	Đạt	
24	BKCB4269	Phạm Minh	Huy	20/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	6,33	Đạt	
25	BKCB4270	Phan Nguyễn Khang	Huy	15/04/2002	Tây Ninh	9,67	9,0	Đạt	
26	BKCB4271	Trần Thị Thu	Huyền	07/05/2003	Bình Phước				Vắng
27	BKCB4272	Mai Thị Diễm	Huỳnh	13/05/2003	Tây Ninh	8,0	7,33	Đạt	
28	BKCB4273	Tiền Nguyễn Phương	Khanh	24/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	8,83	Đạt	
29	BKCB4274	Nguyễn Thanh	Khiết	14/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	3,83	Không đạt	
30	BKCB4275	Nguyễn Đăng	Khoa	17/12/2002	Tiền Giang	9,0	7,5	Đạt	
31	BKCB4276	Võ Hữu	Khoa	12/01/1999	Bến Tre	9,0	8,5	Đạt	
32	BKCB4277	Lê Thị Phương	Linh	11/08/2006	Bình Dương	5,67	4,17	Không đạt	
33	BKCB4278	Vũ Hải	Linh	08/12/1993	Bắc Giang	9,33	9,17	Đạt	
34	BKCB4279	Lê Thị Mai	Loan	06/07/2002	Ninh Bình	8,33	4,17	Không đạt	
35	BKCB4280	Lê Minh	Lợi	10/06/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
36	BKCB4281	Trịnh Bảo	Long	17/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	6,83	Đạt	
37	BKCB4282	Nguyễn Lê Xuân	Lý	01/08/2003	Bến Tre	10,0	8,0	Đạt	
38	BKCB4283	Đỗ Trần Quý	Minh	17/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	6,67	Đạt	
39	BKCB4284	Trần Hải	Nam	07/01/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	4,33	2,0	Không đạt	
40	BKCB4285	Lê Thị	Ngân	14/03/1998	Đồng Nai	8,33	8,17	Đạt	
41	BKCB4286	Phan Bích	Ngọc	19/02/2003	Tây Ninh	9,0	7,17	Đạt	
42	BKCB4287	Nguyễn Phúc	Nguyên	11/07/1991	Đồng Tháp	7,33	9,0	Đạt	
43	BKCB4288	Lê Trung	Nhân	26/02/2006	Đắk Lắk	7,33	7,33	Đạt	
44	BKCB4289	Nguyễn Minh	Nhật	12/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,5	Đạt	
45	BKCB4290	Lê Thị Hiếu	Nhi	04/11/2000	Tây Ninh	9,33	7,17	Đạt	
46	BKCB4291	Mai Huỳnh	Như	08/03/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	5,67	Đạt	
47	BKCB4292	Phạm Thị Quỳnh	Như	15/11/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	8,33	8,67	Đạt	
48	BKCB4293	Thái Thị Kim	Nhung	01/03/2003	Thừa Thiên Huế	7,67	7,5	Đạt	
49	BKCB4294	Phạm Thị	Oanh	09/12/1987	Hà Nam	7,67	6,0	Đạt	
50	BKCB4295	Lê Trí	Phong	01/01/1992	Đồng Tháp	8,0	6,5	Đạt	
51	BKCB4296	Trần Phạm Mỹ	Phụng	19/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	7,67	Đạt	
52	BKCB4297	Phan Lê Mỹ	Phương	11/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,33	Đạt	
53	BKCB4298	Văn Phạm Tùng	Quân	09/08/2001	Khánh Hòa	6,33	7,83	Đạt	
54	BKCB4299	Nguyễn Minh	Quang	04/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	4,17	Không đạt	
55	BKCB4300	Châu Thị Bảo	Quyên	06/07/2003	Quảng Nam				Vắng
56	BKCB4301	Trương Đức Thanh Giang	Raymond	02/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,17	Đạt	
57	BKCB4302	Huỳnh Quốc	Tải	12/04/1993	Quảng Ngãi	8,0	5,5	Đạt	
58	BKCB4303	Nguyễn Tiến	Thành	15/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,33	Đạt	
59	BKCB4304	Phùng Thanh	Thảo	26/12/2003	Sóc Trăng	4,67	3,17	Không đạt	
60	BKCB4305	Trần Thuận	Thiên	04/09/1999	Gia Lai	9,33	6,17	Đạt	
61	BKCB4306	Đào Minh	Thoa	24/04/2003	Tây Ninh	6,67	7,83	Đạt	
62	BKCB4307	Trần Thị Cẩm	Thu	16/05/2002	Đồng Tháp	7,0	5,5	Đạt	
63	BKCB4308	Trịnh Lê Vy	Thư	11/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	6,83	Đạt	
64	BKCB4309	Nguyễn Phạm Thái	Tiến	21/12/2004	Long An	7,33	7,17	Đạt	
65	BKCB4310	Nguyễn Kim	Tiền	22/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
66	BKCB4311	Huỳnh Lê Trung	Tính	06/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	6,0	4,5	Không đạt	
67	BKCB4312	Nguyễn Đức	Toàn	10/12/2006	Bình Định	9,33	4,0	Không đạt	
68	BKCB4313	Nguyễn Thị Hương	Trà	27/08/1989	Hà Tĩnh	9,0	8,0	Đạt	
69	BKCB4314	Huỳnh Bảo	Trân	26/03/1999	Quảng Nam	9,0	7,83	Đạt	
70	BKCB4315	Lý Thị Tú	Trinh	13/11/2003	Quảng Ngãi	7,0	5,67	Đạt	
71	BKCB4316	Nguyễn Thanh	Trúc	13/07/2003	Phú Yên	3,33	0,0	Không đạt	
72	BKCB4317	Huỳnh Bảo	Trung	07/04/1996	Quảng Nam	8,0	7,33	Đạt	
73	BKCB4318	Phạm Đăng	Trường	08/08/2003	Đắk Lắk	9,0	7,0	Đạt	
74	BKCB4319	Nguyễn Bá	Tước	19/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,5	Đạt	
75	BKCB4320	Bùi Đặng Tường	Vân	27/03/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	9,33	8,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
76	BKCB4321	Nguyễn Trần Hoàng	Vạn	15/03/1999	Tiền Giang	8,33	8,67	Đạt	
77	BKCB4322	Trần Dương Hoàng	Vinh	11/03/2001	Trà Vinh	3,67	3,33	Không đạt	
78	BKCB4323	Huỳnh Hoàng	Vũ	12/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,17	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) ≥ 5 và Điểm thực hành ≥ 5

Số lượng thí sinh:

78

Số lượng hiện diện:

75

Số thí sinh đạt:

62

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam